TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 25/9/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tăng Ngọc Châu.
- Bà Lưu Thị Hồng Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài, Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 25/2025/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 156/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lý Thanh T**, sinh ngày 01/01/1995.

Địa chỉ: Ấp N, xã G, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Mai Thị Ngọc T1**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số B ấp V, phường M, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 06/02/2025, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Lý Thanh T trình bày: Ông Lý Thanh T và bà Mai Thị Ngọc T1 có tổ chức tiệc cưới năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 28/06/2016, số giấy chứng nhận kết

hôn: 30/2016. Trong thời gian đầu cuộc sống gia đình rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng cuối năm 2024 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không còn hợp nhau và không có tiếng nói chung từ đó đã sống ly thân. Trong quá trình chung sống ông Lý Thanh T và bà Mai Thị Ngọc T1 có 02 người con chung tên Lý Minh Đ, sinh ngày 30/01/2019 và Lý Minh L, sinh ngày 26/4/2016, hiện nay 02 con chung đang có cuộc sống ổn định cùng ông Lý Thanh T. Nhận thấy trong thời gian chung sống với nhau giữa ông Lý Thanh T và bà Mai Thị Ngọc T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải nhau, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc bà T1 đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ cuối năm 2024 đến nay không còn sống chung. Ông Lý Thanh T xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà Mai Thị Ngọc T1.

Về con chung: Ông Lý Thanh T và bà Mai Thị Ngọc T1 có hai người con chung là Lý Minh Đ, sinh ngày 30/01/2019 và Lý Minh L, sinh ngày 26/4/2016 hiện nay 02 con chung đang có cuộc sống ổn định cùng ông Lý Thanh T nên yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến tuổi trưởng thành và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Mai Thị Ngọc T1*:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Mai Thị Ngọc T1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Mai Thị Ngọc T1 không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm nghị án, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Lý Thanh T được ly hôn với bà Mai Thị Ngọc T1. Về con chung: giao cho ông Lý Thanh T được trực tiếp nuôi 02 người con chung tên: Lý Minh Đ,

sinh ngày 30/01/2019 và Lý Minh L, sinh ngày 26/4/2016, bà Mai Thị Ngọc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của nguyên đơn Lý Thanh T. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, ông Lý Thanh T yêu cầu ly hôn với bà Mai Thị Ngọc T1. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Lý Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Mai Thị Ngọc T1 đã được toà án triệu tập hợp lệ để tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 28/06/2016 cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Lý Thanh T có kết hôn với bị đơn Mai Thị Ngọc T1 là sự thật, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Vì vậy, giữa ông Lý Thanh T và bà Mai Thị Ngọc T1 đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm thường xuyên cải vã làm cho tình cảm không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến ông Lý Thanh T và bà Mai Thị Ngọc T1 không còn tiếp tục sống chung với nhau từ năm 2024.

Nguyên đơn kiên quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy,

trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa ông Lý Thanh T và bà Mai Thị Ngọc T1 không còn tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Lý Thanh T và bị đơn Mai Thị Ngọc T1 thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Lý Thanh T đối với bị đơn Mai Thị Ngọc T1 là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho ông Lý Thanh T được ly hôn với bà Mai Thị Ngọc T1.

[3] Về con chung: Ông Lý Thanh T và bà Mai Thị Ngọc T1 có 02 người con chung tên: là Lý Minh Đ, sinh ngày 30/01/2019 và Lý Minh L, sinh ngày 26/4/2016 hiện nay 02 con chung đang có cuộc sống ổn định cùng ông Lý Thanh T. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn khởi kiện ông Lý Thanh T yêu cầu được tiếp tục 02 con chung và không yêu cầu bà Mai Thị Ngọc T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy Lý Minh L, sinh ngày 26/4/2016 đã trên 07 tuổi nên có quyền thể hiện nguyện vọng của mình được sống với cha hoặc mẹ khi cha mẹ ly hôn. Cháu Lý Minh Đ, sinh ngày 30/01/2019 hiện đang sinh sống với cha là ông Lý Thanh T. Căn cứ vào lời khai của cháu Lý Minh L thì cháu có nguyện vọng được sống với cha là ông Lý Thanh T. Nhận thấy nguyện vọng của cháu cháu Lý Minh L được thể hiện một cách tự nguyện không ai ép buộc, cuộc sống của cháu Lý Minh L khi sống chung với cha ông Lý Thanh T được đảm bảo, các cháu vẫn sinh sống ổn định phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án ông Lý Thanh T cũng yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, còn bà Mai Thị Ngọc T1 không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo cho cuộc sống của cháu Lý Minh Đ

và cháu Lý Minh L được ổn định, phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cháu Lý Minh Đ và cháu Lý Minh L cho ông Lý Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Lý Thanh T trình bày không yêu cầu bà Mai Thị Ngọc T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Lý Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81, Khoản 1, Khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a Khoản 5, điểm an Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Thanh T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý Thanh T được ly hôn với bà Mai Thị Ngọc T1.

2/ Về con chung: Giao cho ông Lý Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Lý Minh Đ, sinh ngày 30/01/2019 và Lý Minh L, sinh ngày 26/4/2016 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Trong thời gian ông Lý Thanh T nuôi con, không ai có quyền cản trở sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn ông Lý Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lý Thanh T và bà Mai Thị Ngọc T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn Lý Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008407 ngày 13/02/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ), ông Lý Thanh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Toàn

Nơi nhận
- VKS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Phòng THA.DS khu vực 8 - Cần Thơ;
- UBND xã Gia Hòa;
- Lưu hồ sơ.